

Số: 55 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang tại Công văn số 165/2025/CV/LGL-NTP ngày 25 tháng 12 năm 2025, Công văn số 19/2026/CV-LGL ngày 09 tháng 02 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2621/TTr-SNN&MT ngày 03 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang, địa chỉ trụ sở: số 173 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở xã hội Nguyễn Tri Phương có địa chỉ: số 45 - 47, đường Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

a) Tên dự án: Khu nhà ở xã hội Nguyễn Tri Phương.

b) Địa điểm hoạt động: số 45 - 47, đường Nguyễn Tri Phương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101184201, đăng ký lần đầu ngày 08/10/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19/5/2023.

d) Mã số thuế: 0101184201.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dự án thuộc loại hình xây dựng nhà ở xã hội.

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích đất sử dụng: 3.262,9 m².

- Nhóm dự án: dự án thuộc nhóm B có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công với tổng mức đầu tư 141.220.000.000 đồng.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 216 căn hộ; quy mô dân số: khoảng 591 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

b) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

c) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

d) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- UBND phường Mỹ Tho;
- Cty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **55** /GPMT-UBND
ngày **10** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sau xử lý được được đầu nối vào hồ ga thoát nước chung trên đường Nguyễn Tri Phương.

- Đã được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Tho chấp thuận đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Nguyễn Tri Phương theo Công văn số 150/UBND-KTHTĐT ngày 08/01/2026.

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của cư dân sinh sống tại dự án; lưu lượng tối đa: khoảng 88,7 m³/ngày đêm;

- Nguồn số 2: nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại dự án; lưu lượng tối đa: khoảng 0,9 m³/ngày đêm;

- Nguồn số 3: nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn; lưu lượng tối đa: khoảng 18,5 m³/ngày đêm;

- Nguồn số 4: nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải; lưu lượng tối đa: khoảng 7,8 m³/ngày đêm;

- Nguồn số 5: nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt; lưu lượng tối đa: khoảng 0,05 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

a) Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ ga thu gom nước thải chung của khu vực trên đường Nguyễn Tri Phương.

b) Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: hồ ga đầu nối nước thải trên đường Nguyễn Tri Phương, chất liệu ống HDPE D110 mm.

- Tọa độ vị trí xả thải: X= 1146128; Y = 649718 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

c) Lưu lượng xả thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm tương đương 5 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức, tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24/24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Nhu cầu oxy sinh hóa(BOD ₅ ở 20°C)	mg/L	≤ 30		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 50		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 4,0		
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 4,0		
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	≤ 10		
9	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 3,0		
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,2		
11	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	≤ 3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ các nguồn số 01, 02 (nước thải từ khu vực nhà vệ sinh), 3, 4, 5 → Hố ga thu gom → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 120 m³/ngày đêm) → Hố ga đầu nổi → Hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Nguyễn Tri Phương.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 (nước thải từ khu vực bếp) → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải (công suất 120 m³/ngày đêm) → Hồ ga đầu nổi → Hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Nguyễn Tri Phương.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tách mỡ có thể tích 15 m³

- Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 120 m³/ngày đêm

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải từ các nguồn phát sinh → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể thoát nước thải → Hệ thống thoát nước chung trên đường Nguyễn Tri Phương.

+ Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (khử trùng), mật rỉ đường (dinh dưỡng vi sinh), NaOH (xử lý mùi), Methanol (khử nitrat).

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 46 Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Khi có sự cố báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm:

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 06/2028 đến tháng 09/2028.

b) Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 120 m³/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày.đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A.

c) Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo nước thải sau xử lý của dự án được đưa vào nguồn tiếp nhận (Hố ga thoát nước chung đường Nguyễn Tri Phương), không xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra môi trường và chất lượng nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiện quả các công trình thu gom, xử lý nước thải./.

BẢN
NH
H.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **55** /GPMT-UBND
ngày **10** tháng **3** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.

Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: toạ độ: X = 1146128; Y = 649716.

Nguồn số 02: toạ độ: X = 1146130; Y = 649716.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

STT	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	50	45	-	Khu vực B

b) Độ rung:

STT	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	65	60	-	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

- Tiếng ồn tại khu vực giải trí được giảm thiểu bằng cách lắp cách âm, chống ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.

- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **55** /GPMT-UBND
ngày **10** tháng **3** năm **2026** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	300
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	150
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	50
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (KS)	18 02 01	50
Tổng cộng			550

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	2.850
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	4.275
3	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	2.850
4	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên	12 06 13	970

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
5	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn phòng, sách báo)	08 02 08	30
Tổng			10.975

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	194

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có gờ chống tràn và có dán tên và mã số chất thải nguy hại, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo và bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy. Kho lưu chứa, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo quy định tại khoản 2, 3 của Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất thải: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn, có thiết bị chữa cháy, có biển cảnh báo và bảng tên ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

- Váng dầu từ bể tách mỡ: lượng dầu mỡ phát sinh từ 01 bể tách mỡ sẽ được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích kho chứa chất thải: 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Bố trí riêng biệt với các khu vực khác và có bảng tên khu vực tập kết chất thải sinh hoạt theo đúng quy định. Bố trí các thiết bị lưu giữ (thùng rác có nắp đậy) và hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý định kỳ 1 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.



Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **55** /GPMT-UBND
ngày **10** tháng **3** năm **2026** của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy./.

